

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT
Ngày 18 tháng 7 năm 2023
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lược;
Ông Nguyễn Hà Giang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXPT-HN ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khuất Thị H - sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu D, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Quang H và cộng sự. Địa chỉ trụ sở: Căn nhà 01-X, ô đất A1x, khu đô thị Nam Trung Y, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Hùng H, sinh năm 1994, chuyên viên pháp lý của Công ty được cử đại diện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông Nguyễn Huy K - Giám đốc điều hành Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Quang H và cộng sự. Địa chỉ trụ sở: Căn nhà 01-X, ô đất A1x, khu đô thị Nam Trung Y, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

Chị H có mặt phiên tòa ngày 14 và ngày 18/7/2023, ông H vắng mặt phiên tòa ngày 14 và ngày 18/7/2023, ông K có mặt ngày 14/7/2023 và vắng mặt ngày 18/7/2023.

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh L - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Ông Phạm Tiến T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư số 1 Vĩnh P (số 32a, đường Nguyễn T, phường Liên B, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc).

Anh L có mặt phiên tòa ngày 14 và ngày 18/7/2023, ông T có mặt ngày 14/7/2023, vắng mặt ngày 18/7/2023.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh huyện Thanh S.

Địa chỉ: Phố Hoàng S, thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Người được ủy quyền: Bà Thắm Thị Hồng H1 - Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Agribank chi nhánh huyện Thanh S. Xin xét xử vắng mặt

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện: Ông Lê Anh L1 - Phó Chi cục trưởng. Hiện đang phụ trách Chi cục. Xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Khuất Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Mạnh L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ năm 2004. Sau kết hôn vợ chồng ra ở riêng, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu nhau, và đã sống ly thân từ cuối năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chị có 03 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2014. Để không muốn làm tổn thương các con, chị H tôn trọng quyền của các con. Nếu các con muốn ở với bố hoặc mẹ thì sẽ giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Thể theo nguyện vọng của các con nên khi ly hôn chị muốn được nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất:

Quyền sử dụng đất số CR 602,597 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích là 164,2m² đất (trong đó có 85m² đất ở và 79,2m² đất trồng cây lâu năm), trên đất có nhà ở xây năm 2014 gắn liền trên đất;

Quyền sử dụng đất số CR 602580 thửa đất số 187, tờ bản đồ số 136, diện tích 1.206,5m².

Hai thửa đất trên đều đã được UBND huyện Thanh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L và chị H. Địa chỉ 02 thửa đất đều tọa lạc tại: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S. 02 tài sản trên hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNT V chi nhánh huyện Thanh S - phòng giao dịch Hương C.

Quan điểm của chị H: Chị H chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung là Quyền sử dụng đất số CR 602,597 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích là 164,2m² đất (trong đó có 85m² đất ở và 79,2m² đất trồng cây lâu năm), trên đất có nhà ở gắn liền trên đất. Khi ly hôn chị xin được sở hữu và sử dụng tài sản trên và có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch tài sản cho anh L. Còn đối với quyền sử dụng đất số CR 602580 thửa đất số 187, tờ bản đồ số 136, diện tích 1206,5m² và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng có khoản nợ 700.000.000đ tại Ngân hàng NN&PTNT V chi nhánh huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ - phòng giao dịch Hương C, mục đích vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình và trả nợ khi làm nhà. Đến nay vợ chồng chị đã trả được 200.000.000đ, còn nợ lại 500.000.000đ. Ly hôn quan điểm của chị H nợ chung vợ chồng phải chia đôi, vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị H xác định vợ chồng không có. Khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Vũ Mạnh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của của chị H là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh L cũng xác nhận giữa anh và chị H có 03 con chung như lời trình bày của chị H là đúng, khi ly hôn anh không muốn tranh chấp con cái, nên sẽ tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con ở với ai sẽ giao cho người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh L xác nhận anh và chị H có tài sản chung là ngôi nhà xây được làm trên diện tích 164,2m² đất (trong đó có 85m² đất ở và 79,2m² đất trồng cây lâu năm), và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nguồn gốc diện tích 164,2m² đất là tài sản của bố mẹ anh, tặng cho vợ chồng anh. Sau này

vợ chồng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết, anh muốn để lại tài sản đó cho các con.

Về nợ chung: Anh L xác nhận vợ chồng có khoản nợ chung tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Thanh S như lời trình bày của chị H là đúng. Khi ly hôn anh không đề nghị giải quyết.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Anh L xác nhận không có, ly hôn không có đề nghị gì.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngày 03/12/2021, Agribank chi nhánh Thanh S - PGD Hương C có cho vợ chồng anh Vũ Mạnh L và chị Khuất Thị H ở Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) theo HĐ tín dụng số 2715LAV-2021106288 ngày 03/12/2021, lãi xuất vay là 10%/năm, dư nợ gốc tại thời điểm ngày 02/8/2022 là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), số tiền lãi tạm tính đến ngày 02/8/2022 là 274.000đ (hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Quan điểm của Ngân hàng trường hợp phân chia tài sản, ai sở hữu sử dụng tài sản là QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất, thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ tiền vay và các khoản tiền lãi phát sinh theo HĐ tín dụng cho Ngân hàng. Còn trường hợp không phân chia tài sản thì yêu cầu anh L, chị H có trách nhiệm trả nợ khoản tiền vay còn lại và các khoản lãi phát sinh cho ngân hàng.

Tại Bản án số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S đã áp dụng các Điều 55+ 59+ 60, khoản 1+2 Điều 81+ 82+ 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 2+4 Điều 147; Khoản 2+3 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Khoản 1 Điều 273- BLTTDS; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khuất Thị H và anh Vũ Mạnh L

2. Về con chung: Giao cho chị Khuất Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T sinh, ngày 04/01/2013 và cháu Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2014, kể từ tháng 12/2022 cho đến khi các con chung thành niên, tự lực được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Giao cho chị Khuất Thị H được sở hữu 01 nhà xây năm 2014, có kết cấu như mô tả tại Biên bản định giá tài sản ngày 08/9/2022, trị giá = 321.022.000đ (ba trăm hai mươi một triệu, không trăm hai mươi hai nghìn

đồng) và được quyền sử dụng diện tích 164,2m² đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127 gắn liền với nhà xây năm 2014 (Trong đó có 85m² đất ở và 79,2m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 732.003.600đ (bảy trăm ba mươi hai triệu, không trăm linh ba nghìn, sáu trăm đồng). Tổng giá trị tài sản chung của chị H, anh L có giá trị là 1.053.026.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Chị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh L 276.376.000đ.

Về nợ chung: Giao cho chị Khuất Thị H có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh S - PGD Hương C số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 274.000đ tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2022. Chị H tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2022 cho đến khi tất toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho anh L thì ngoài số tiền phải trả, chị H còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Khuất Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ngày 18/7/2022 chị H nộp 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

5. Về án phí: Chị Khuất Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H phải nộp 13.818.800đ (mười ba triệu, tám trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là: 13.968.800đ (mười ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng). Chị H được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0006812, ngày 11/5/2022 và 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản tại biên lai số AA/2020/0006849, ngày 20/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh S.

Hoàn trả cho chị Khuất Thị H số tiền 1.331.200đ (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Vũ Mạnh L phải nộp 13.818.800đ (mười ba triệu, tám trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản.

Bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, anh Vũ Mạnh L kháng cáo:

1. Về con chung: Không nhất trí giao cho chị H nuôi dưỡng 03 con chung. Đề nghị cấp phúc thẩm giao 02 con chung cho anh nuôi dưỡng và không đề nghị chị H cấp dưỡng.

2. Về tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 106, tờ bản đồ số 127 và ngôi nhà trên đất là tài sản chung để phân chia. Đây là tài sản riêng của anh được tặng cho riêng không phải là tài sản chung giữa anh và chị H.

3. Về nợ chung: Cấp sơ thẩm giao cho chị H trả cho Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng và lãi 274.000.000 đồng là chưa đầy đủ để các bên có nghĩa vụ trả nợ. Trong thời gian chị H đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, anh phải vay nợ tiền để trả gốc và lãi cho ngân hàng.

Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S.

Tại Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 01/2023/QĐ-PT ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh Vũ Mạnh L đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Thanh S thu thập các tài liệu, chứng cứ:

Lấy lời khai của 03 con chị H và anh L là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2014 về việc tại thời điểm này nguyện vọng của các cháu xin được ở với chị H hay anh L.

Xác minh tại UBND xã và Hội phụ nữ xã Hương C, huyện Thanh S về điều kiện xin nuôi con của anh L.

Xác minh tại UBND xã Hương C và Ủy ban nhân dân (văn phòng ĐKQSDĐ) huyện Thanh S về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện Thanh S cấp cho ông Vũ Mạnh L và bà Khuất Thị H ngày 03/4/2019, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127 có diện tích 164,2m² (trong đó có 85m² đất ở, 72,9m² đất trồng cây lâu năm).

Công ty Luật TNHH Quang H và Cộng sự có văn bản số: 112/2023/CV - LQH, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc đề nghị Trường Tiểu học Hương C huyện Thanh S cung cấp một số thông tin về tình trạng học tập của cháu Vũ Gia B và cháu Vũ Bảo T và được nhà trường cung cấp: Em Vũ Gia B; học sinh lớp 3E và em Vũ Bảo T; học sinh lớp 4E hiện đang theo học tại trường Tiểu học Hương C năm học 2022-2023. Trong thời gian học tại trường, sức khỏe của 2 học sinh đều bình thường, không mắc bệnh truyền nhiễm (Riêng cháu Vũ Gia B mắt bị cận, phải đeo kính) - Tham gia các cuộc họp phụ huynh và các khoản

đóng góp với nhà trường thực hiện đầy đủ đều do ông ngoại tức bố đẻ chị H đóng góp. Trong quá trình học tập tại trường chị H và ông bà ngoại thường xuyên quan tâm như việc đưa, đón chăm sóc hàng ngày là do ông bà ngoại (tức bố, mẹ đẻ của chị H chăm sóc). Đầu năm học Anh Vũ Mạnh L có 1 vài lần điện nhờ cô giáo muốn gặp con nhưng 2 học sinh không muốn gặp bố đẻ và anh L không quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe và học tập của 2 cháu. Quan điểm của nhà trường: Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của 2 em học sinh Vũ Gia B và Vũ Bảo T được ổn định tinh thần tư tưởng trong học tập và sinh hoạt hàng ngày, nhà trường đề nghị 2 học sinh được chị H và ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng để các em ổn định học tập đến khi trưởng thành.

Công ty Luật TNHH Quang H và Cộng sự có Công văn gửi Trường THCS Hương C về việc cung cấp thông tin về tình trạng học tập của học sinh Vũ Khánh L và được Trường THCS Hương C xác nhận em Vũ Khánh L con chị Khuất Thị H anh Vũ Mạnh L là học sinh học lớp 7A trường THCS Hương C. Năm 2021, học sinh Vũ Khánh L tuyển sinh lớp 6 tại trường, trong hai năm học lớp 6 và 7 học sinh Vũ Khánh L có ý thức rèn luyện tốt, hai năm liên tục xếp loại học lực khá. Bà ngoại của học sinh Vũ Khánh L là người nộp các khoản tài chính trong hai năm cháu Ly tham gia học tập tại trường. Trong các cuộc họp phụ huynh của nhà trường bà ngoại và bố của học sinh Vũ Khánh L là người tham gia dự họp. Trong quá trình học sinh Vũ Khánh L học tập tại trường, bà ngoại cháu Ly thường xuyên quan tâm, kiểm tra tình trạng của cháu. Trong quá trình học sinh Vũ Khánh L theo học tại trường, anh Vũ Mạnh L (là bố cháu) thường xuyên quan tâm kiểm tra việc học tập của cháu Vũ Khánh L, nhất là khi tình cảm vợ chồng anh L rạn nứt, anh L thường xuyên gặp GVCN hỏi thăm về học tập, các biểu hiện tâm lý của con và nhờ GVCN quan tâm động viên cháu. Trong trường hợp bố mẹ của học sinh Vũ Khánh L ly hôn, mẹ cháu được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng thì việc học tập của học sinh Vũ Khánh Ly tại trường không bị ảnh hưởng. Đối với vụ án ly hôn của chị H và anh L, nhà trường không có quan điểm về vấn đề người trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Biên bản xác minh tại Hội Phụ nữ xã Hương C: Qua trao đổi nội dung công việc xác minh bà Mai cho Tòa án biết thông tin như sau: Vợ chồng anh Vũ Mạnh L và chị Khuất Thị H sinh sống tại xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị H làm đơn ly hôn. Vợ chồng anh L và chị H có 03 người con chung là cháu Vũ Khánh L sinh ngày 13/4/2010, cháu Vũ Bảo T, sinh năm 04/01/2013 và cháu Vũ Gia B sinh ngày 18/11/2014. Hiện 03 con chung của anh chị ở chung với mẹ đẻ là chị H. Anh L đi làm nghề công trình thường xuyên vắng mặt tại địa phương ít khi thấy anh L ở nhà. Mặt khác anh L cũng hay chửi bới, không chăm lo đến gia đình. Con chung chủ yếu do chị H và bố mẹ chị

chăm sóc, nuôi dưỡng, đi ăn học đầy đủ, anh L cũng không có trách nhiệm gì với con chung. Quan điểm của Hội phụ nữ: để đảm bảo quyền lợi cho trẻ em thì cứ để chị H tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi các cháu thành niên vì chị H là người mẹ chăm chỉ, buôn bán có thu nhập, có thời gian để dạy bảo con cái học hành.

Xác minh tại UBND xã Hương C: Vợ chồng anh Vũ Mạnh L và chị Khuất Thị H có 03 người con chung là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T, sinh ngày 04/01/2013, và cháu Vũ Gia B sinh ngày 18/11/2014. Hiện các con chung đều ở với chị H tại xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung ăn học, chị làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định, nhà cửa.

Bản thân anh L làm nghề tự do, làm cai thầu xây dựng, đi nhận các công trình xây dựng vì vậy anh thường xuyên vắng mặt tại địa phương, ít khi thấy anh L ở nhà. Anh L tính tình thì cục cằn, thô lỗ, bản thân thì hay chơi bời cờ bạc, hay tụ tập bạn bè uống rượu, không chăm lo đến gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân chính cũng là từ anh L. Các con chung của chị H và anh L hiện nay vẫn đang ở với chị H và gia đình chị H tại xóm Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Các cháu vẫn được chị H và gia đình đưa đón đi học hàng ngày. Để đảm bảo quyền lợi ích cho con chung chưa thành niên đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Xác minh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích 164,2m² (trong đó đất ở là 85m², đất trồng cây lâu năm 79,2m²), được UBND huyện Thanh S cấp ngày 03/4/2019 đứng tên anh Vũ Mạnh L và chị Khuất Thị H, địa chỉ Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ: Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ anh L ông Vũ Văn C, bà Phùng Thị N, ông bà nhận chuyển nhượng lại từ ông Đinh Văn K. Sau khi ông C chết đến năm 2016 gia đình nhà anh L họp để phân chia di sản thừa kế thì giao cho anh L được quyền thừa kế thửa đất trên. Sau đó vợ chồng anh L, chị H đã làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, UBND huyện Thanh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L, chị H, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích 164,2m² địa chỉ tại Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S. Về tài sản trên đất là nhà cửa thì do vợ chồng anh L xây dựng nên.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Agribank) Chi nhánh huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ trình bày: Đến thời điểm hiện tại, ông Vũ Mạnh L và bà Khuất Thị H đã trả hết nợ và không còn dư nợ tại Agribank chi nhánh huyện Thanh S Phú Thọ (kèm theo tài liệu chứng minh là chứng từ giao dịch ngày 17/02/2023). Ý kiến của Agribank chi nhánh huyện Thanh S Phú Thọ: Vì

ông Vũ Mạnh L và bà Khuất Thị H đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nên Agribank chi nhánh huyện Thanh S Phú Thọ sẽ không tham gia tố tụng tại các cấp xét xử liên quan đến vụ án ly hôn giữa ông Vũ Mạnh L và bà Khuất Thị H.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ trình bày: Chi cục Thi hành án huyện Thanh S nhận được Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ đối với ông Vũ Mạnh L và bà Khuất Thị H, địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Ngày 14/02/2023, Chi cục THADS huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ ban hành các Quyết định thi hành án, cụ thể:

1. Quyết định thi hành án số: 209/QĐ-CCTHADS, ngày 14/2/2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Thanh S. Theo quyết định thi hành án thì ông Vũ Mạnh L, địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ phải thi hành khoản: - Án phí chia tài sản là 13.818.800đ (mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

2. Quyết định thi hành án số: 208/QĐ-CCTHADS, ngày 14/2/2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Thanh S. Theo quyết định thi hành án thì bà Khuất Thị H, địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ phải thi hành khoản:

- Án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản là 13.818,800đ. Tổng cộng số tiền bà Huyền phải nộp là 13.968.800đ (mười ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Khuất Thị H số tiền 1.331.200đ (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng).

Quá trình tổ chức thi hành án: Ngày 25/5/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S nhận được Thông báo số: 12/TBTL-TA, ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đối với Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi nhận được Văn bản, qua kiểm tra hồ sơ thi hành án, Chi cục THADS huyện Thanh S xin được Thông báo quá trình giải quyết vụ việc như sau:

1. Đối với Quyết định thi hành án số: 208/QĐ-CCTHADS, ngày 14/2/2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Thanh S. Theo quyết định thi hành án thì bà Khuất Thị H, địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ phải thi hành khoản:

Án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Án phí chia tài sản là 13.818.800đ. Tổng cộng số tiền bà Huyền phải nộp là 13.968.800đ (mười ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng);

Hoàn trả cho bà Khuất Thị H số tiền 1.331.200đ (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng).

Tại thời điểm nhận được thông báo, Chi cục THADS huyện Thanh S đã thi hành xong các khoản trên đối với bà Khuất Thị H. Hồ sơ báo cáo xong tháng 02/2023.

2. Đối với Quyết định thi hành án số: 209/QĐ-CCTHADS, ngày 14/2/2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Thanh S. Theo quyết định thi hành án thì ông Vũ Mạnh L, địa chỉ: Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ phải thi hành khoản:

Án phí chia tài sản là 13.818.800đ (mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ việc, Chi cục THADS huyện Thanh S chưa thi hành xong đối với ông Vũ Mạnh L đối với khoản tiền án phí chia tài sản là 13.818.800đ (mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S xin được thông báo cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ được biết để giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Vũ Mạnh L xuất trình các tài liệu chứng cứ gồm: Ý kiến của cháu Vũ Bảo T và cháu Vũ Gia B đề ngày 14 tháng 01 năm 2023 về việc nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản đề ngày 24 tháng 02 năm 2016, tại trụ sở văn phòng công chứng Thanh S - thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ; Bản trình bày tự khai tại tòa án xét xử phúc thẩm của anh Vũ Mạnh L ngày 14 tháng 7 năm 2023; 01 bản hợp đồng lao động số 09 đề ngày 01 tháng 09 năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Tân Đăng Khoa; Phiếu lĩnh lương của anh Vũ Mạnh L từ tháng 09 năm 2021 đến tháng 02 năm 2023; 01 bản phô tô Giấy vay tiền giữa bên cho vay là Bùi Quang H2 và bên vay là Vũ Mạnh L đề ngày 27/8/2021.

Tại phiên tòa anh Vũ Mạnh L và người được anh L ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Về con chung: Chưa xem xét điều kiện và nguyện vọng của bị đơn để giao con cho bị đơn; chưa xem xét về điều kiện sống và nguồn kinh phí nuôi các cháu trong lúc chị H anh L đi nước ngoài làm việc. Đề nghị xin được nuôi 02 cháu Vũ Bảo T và cháu Vũ Gia B, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguồn gốc tài sản là của gia đình anh L cho riêng anh L nên là tài sản riêng của anh L. Cấp sơ thẩm xác nhận tài sản chung của anh L và chị H là không đúng.

Về nợ chung: Tòa án không làm rõ ai là người trả 200 triệu và nguồn gốc của số tiền trả ngân hàng. Trong khi đó anh L vay của anh Bùi Quang H2 200

triệu để trả ngân hàng, có Giấy vay tiền đề ngày 27/8/2021 nộp tại phiên tòa. Đề nghị chị H cùng phải có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Số tiền chị H trả gốc và lãi trả cho ngân hàng khi đã có Bản án sơ thẩm số: 45/2022/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2022 là khoản tiền của vợ chồng có từ trước khi ly hôn, chị H quản lý số tiền này và lấy số tiền này để trả cho ngân hàng. Do vậy đây là khoản tiền chung của vợ chồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa cháu Vũ Khánh L có quan điểm xin được ở với mẹ, cháu Vũ Bảo T và cháu Vũ Gia B đều xin được ở với bố.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Tại Bản án số 45/2022/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S đã tuyên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình; chị đã tự nguyện thi hành án. Chị H đã vay của anh Khuất Văn H3 (SN 1991), địa chỉ: Khu Đg Đa, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ số tiền 500.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam. Cả chị H và anh L đều có mặt tại ngân hàng để trả tiền, tiền trả nợ là tiền của chị H. Một ngày sau khi trả tiền, chị H đến ngân hàng nhận lại bản chính GCNQSDĐ. Cụ thể về quá trình trả tiền ở ngân hàng, chị H đã trình bày bằng văn bản gửi đến Tòa án.

Như vậy chị H đã tự nguyện thi hành xong, án phí chị đã nộp đủ, con cái chị H nuôi, nợ ngân hàng chị H đã trả. Nay, anh L kháng cáo và được chấp nhận kháng cáo quá hạn không phát sinh từ lỗi của chị H. Như đã phân tích ở trên, chị H không có lỗi mà chị đã tự nguyện thi hành án nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1, điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015: Tuyên bác toàn bộ kháng cáo của anh Vũ Mạnh L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của TAND huyện Thanh S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Vũ Mạnh L về phần con chung. Đề nghị giao cháu B cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu L, cháu T cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn về tài sản chung và nợ chung đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 45 ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 15/6/2023, do ông Nguyễn Mạnh L là bị đơn và ông Phạm Tiến T là người bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 14/7/2023. Tại phiên tòa ngày 14/7/2023, đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện Thanh S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ đều xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Xét Đơn kháng cáo của anh Vũ Mạnh L đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã chấp nhận kháng cáo quá hạn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Mạnh L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về con chung: Chị H và anh L có 3 con chung là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T sinh, ngày 04/01/2013 và cháu Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2014. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, anh L đề nghị giao con theo nguyện vọng của các cháu, trong khi đó nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với mẹ; quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Toà án đã xác minh UBND và Hội phụ nữ xã Hương C huyện Thanh S đều cho rằng anh L thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, phía nhà trường nơi các cháu học tập đều xác định các cháu đều học tập tốt, mặt khác nguyện vọng của 3 cháu vẫn xin được ở với chị H. Do vậy cấp sơ thẩm đã giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 3 cháu là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm cháu Vũ Bảo T và cháu Vũ Gia B lúc thì xin ở với bố, lúc thì xin ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của anh L nên cần giao cháu Vũ Gia B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc anh L kháng cáo xin được nuôi hai cháu là không được chấp nhận.

[3.2] Về tài sản và công nợ:

Qua xác minh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích 164,2m² (trong đó đất ở là 85m², đất trồng cây lâu năm 79,2m²), được UBND huyện Thanh S cấp ngày 03/4/2019 đứng tên anh Vũ Mạnh L và chị

Khuất Thị H, địa chỉ Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ anh L là ông Vũ Văn C, bà Phùng Thị N, ông bà nhận chuyển nhượng lại từ ông Đinh Văn K, vợ chồng anh L ở trên phần đất này và năm 2014 đã xây nhà ở. Sau khi ông C chết, ngày 21/02/2016 gia đình nhà anh L họp để phân chia di sản thừa kế cho anh L được quyền thừa kế thửa đất trên. Ngày 19/11/2016, anh L có đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L và chị H. Sau đó vợ chồng anh L, chị H đã làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 03/4/2019, UBND huyện Thanh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L và chị H, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích 164,2m² địa chỉ tại Khu Đ, xã Hương C, huyện Thanh S. Đến ngày 24/4/2019, anh L và chị H đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng và tiếp đến ngày 03/12/2021 lại thế chấp cho Ngân hàng cho đến khi cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, như vậy anh L tự nguyện sáp nhập là tài sản chung của vợ chồng. Việc anh L kháng cáo thửa đất trên là tài sản riêng của anh là không có căn cứ. Tuy nhiên xem xét về nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng diện tích 164,2m² đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127 có trị giá 732.003.600đ là do gia đình anh L mà có. Tại cấp sơ thẩm đã giao cho chị H nuôi dưỡng 03 con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con nên cấp sơ thẩm đã giao cho chị H ở nhà và đất và trả nợ ngân hàng, số tiền còn lại chia đôi là có căn cứ, nhưng tại cấp phúc thẩm đã giao cho anh L nuôi 01 cháu, chị H nuôi 02 cháu và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia. Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em nên tiếp tục giao cho chị H được sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản nhà, đất như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, nhưng xem xét về nguồn gốc tài sản cần buộc chị H phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh L một khoản tiền nhiều hơn cấp sơ thẩm đã tuyên khoảng 40 triệu đồng là phù hợp. Như vậy xác định vợ chồng chị H anh L có tổng trị giá tài sản 1.053.026.000đ, chị H trả nợ cho Ngân hàng số tiền 500.000.000đ gốc và 274.000đ tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2022. Tổng là 500.274.000 đồng, tài sản còn lại để chia 552.752.000 đồng, chị H được chia 236.376.000 đồng, chị H thanh toán chênh lệch tài sản cho anh L khoản 316.376.000 đồng là phù hợp.

Về khoản tiền cấp sơ thẩm đã tuyên chị H trả số tiền vay Ngân hàng, sau khi có Bản án sơ thẩm, chị H đã trả hết số nợ gốc, lãi cho ngân hàng nên cần được xác nhận trong Bản án này.

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S đã ra Quyết định thi hành án đối với phần án phí của bản án cấp sơ thẩm đã tuyên: Theo Bản án của cấp sơ thẩm đã tuyên, chị Khuất Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H phải nộp 13.818.800đ tiền án phí chia tài sản. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là: 13.968.800đ (mười ba triệu, chín trăm sáu mươi

tám nghìn, tám trăm đồng). Chị H được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0006812 ngày 11/5/2022 và 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản tại Biên lai số AA/2020/0006849 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S.

Hoàn trả cho chị Khuất Thị H số tiền 1.331.200đ (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Vũ Mạnh L phải nộp 13.818.800đ (mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản.

Sau khi có Bản án sơ thẩm, chị H đã thi hành án và đã nộp khoản tiền thi hành án trên.

Tại Quyết định thi hành án số: 208/QĐ-CCTHADS, ngày 14/2/2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Thanh S. Theo quyết định thi hành án, chị H phải thi hành khoản:

Án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Án phí chia tài sản là 13.818.800đ. Tổng cộng số tiền bà Huyền phải nộp là 13.968.800đ (mười ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng);

Hoàn trả cho bà Khuất Thị H số tiền 1.331.200đ (một triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng). Chi cục THADS huyện Thanh S đã thi hành xong các khoản trên.

Do cấp phúc thẩm sửa phần chia tài sản chung nên án phí chia tài sản được tính lại theo kỹ phần chị H anh L được chia. Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh S xử lý và ra Quyết định thi hành án theo Bản án của cấp phúc thẩm đã tuyên.

Thông qua Bản án này, cấp sơ thẩm chỉ tính án phí chia tài sản mà không tính tiền án phí của khoản tiền nợ Ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm chị H đã đứng ra trả toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng, do vậy cấp phúc thẩm không buộc chị H và anh L phải nộp khoản tiền án phí này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

[3.3] Việc anh L kháng cáo và trình bày sau khi có Bản án sơ thẩm, chị H trả cho ngân hàng số tiền 500.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 274.000đ là khoản tiền của vợ chồng có từ trước khi ly hôn nhưng xét thấy quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh L không khai có khoản tiền này, tại phiên tòa phúc thẩm anh L không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh, mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm, chị H đã đi vay đã trả hết số nợ gốc và lãi của khoản vay ngân hàng và nộp khoản án phí cho Chi cục Thi hành án huyện Thanh S theo Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên. Do vậy yêu cầu của anh L là không được chấp nhận.

Đối với việc anh L kháng cáo trong thời gian chị H làm thủ tục đi nước ngoài, anh phải vay nợ tiền của nhiều người, khi chị H đi nước ngoài anh phải vay của anh Bùi Quang H2 200 triệu đồng để trả nợ ngân hàng. Xét thấy quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị H và anh L không khai và đề nghị gì nên cấp sơ thẩm không giải quyết. Do vậy kháng cáo về vấn đề này là vượt quá phạm vi kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Mạnh L về giao nuôi con chung và chia tài sản chung.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Mạnh L về thừa đất số 106, tờ bản đồ số 127, diện tích là 164,2m² đất là tài sản riêng của anh L và không chấp nhận các vấn đề kháng cáo khác của anh L.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về phần giao nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Quan điểm của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

Quan điểm của bị đơn và người được bị đơn ủy quyền được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Vũ Mạnh L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của anh Vũ Mạnh L.

Sửa một phần Bản án số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh S về phần giao nuôi con và phần thanh toán chênh lệch tài sản cho anh L.

Áp dụng các Điều 55; Điều 59; Điều 60; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 59; Điều 60, Điều 62 và Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2, khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khuất Thị H và anh Vũ Mạnh L.

2. Về con chung: Giao cho chị Khuất Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13/01/2010, cháu Vũ Bảo T, sinh ngày 04/01/2013; Giao cho anh Vũ Mạnh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2014 cho đến khi các con chung thành niên, tự lực được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Không bên nào được quyền cản trở việc thăm nom chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Giao cho chị Khuất Thị H được sở hữu 01 nhà xây năm 2014, có kết cấu như mô tả tại Biên bản định giá tài sản ngày 08/9/2022, trị giá = 321.022.000đ (Ba trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) và được quyền sử dụng diện tích 164,2m² đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 127 gắn liền với nhà xây năm 2014 (trong đó có 85m² đất ở và 79,2m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 732.003.600đ (bảy trăm ba mươi hai triệu không trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng). Tổng giá trị tài sản chung của chị H, anh L có giá trị là 1.053.026.000đ (một tỷ không trăm năm mươi ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Chị Khuất Thị H có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh S-PGD Hương C số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 274.000đ (hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng) tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2022. Xác nhận chị Khuất Thị H đã nộp số tiền gốc và lãi trên vào ngày 17/02/2023.

Chị Khuất Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh L 316.376.000đ (ba trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho anh L thì ngoài số tiền phải trả, chị H còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Khuất Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ngày 18/7/2022 chị H nộp 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

5. Về án phí: Chị Khuất Thị H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H phải nộp 11.818.800đ (mười một triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) tiền án phí chia tài

sản. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là: 11.968.800đ (mười một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng). Chị H được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0006812 ngày 11/5/2022 và 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản tại biên lai số AA/2020/0006849, ngày 20/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh S. Hoàn trả cho chị Khuất Thị H số tiền 3.331.200đ (ba triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Vũ Mạnh L phải nộp 15.818.800đ (mười lăm triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Mạnh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn lại cho anh L 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0001737 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Thanh S;
- Chi cục THADS huyện Thanh S;
- Các đương sự;
- Người BVQL và LIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Toàn

